CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương

Ngày 31/12/2025	7,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.7%	**-**	**9.0%**

DT thuần
Q4/25
0
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00| -100%

LN thuần
Q4/25
0.90
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.90|
YoY: ▲ 0.89| 8900%

LN sau thuế
Q4/25
58.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.3| 57.4%
YoY: ▼11.6| -16.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
115097
YoY: +/-▲ 113230%

ROE
2025

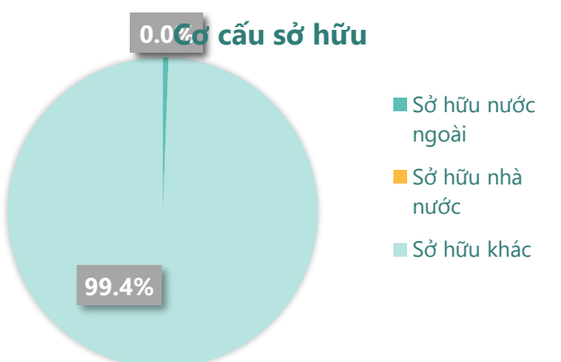
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,500 - 13,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	606
Số lượng CPLH (CP)	83,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	469,445
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	1.95
EPS	-357
P/E	-20.5

DT thuần
2025
0.16
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.6| -98.8%

LN thuần
2025
1.06
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.39| -26.7%

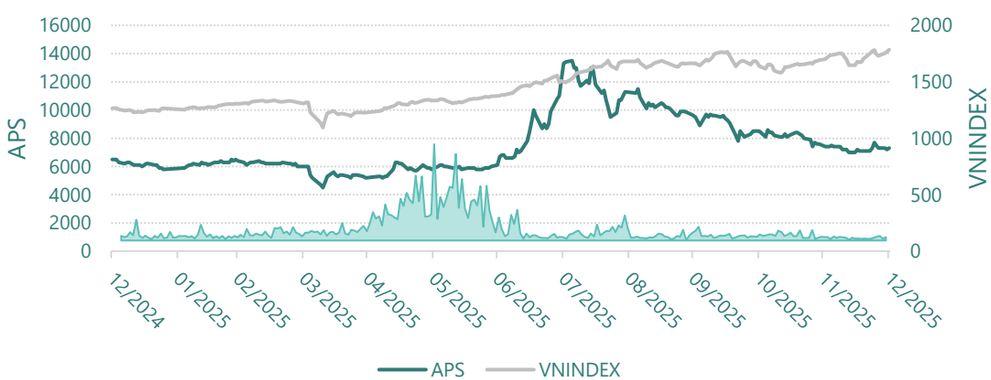
LN sau thuế
2025
190
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.0| -9.9%

Cơ cấu sở hữu

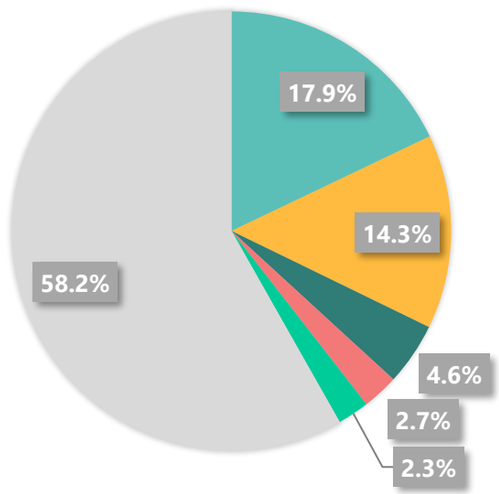


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



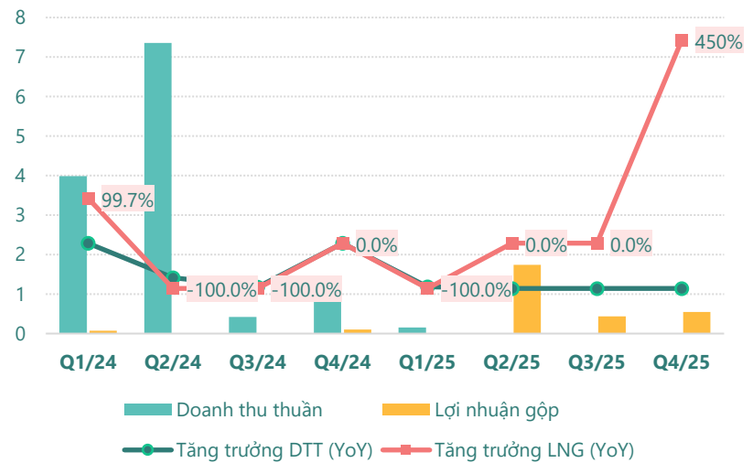
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

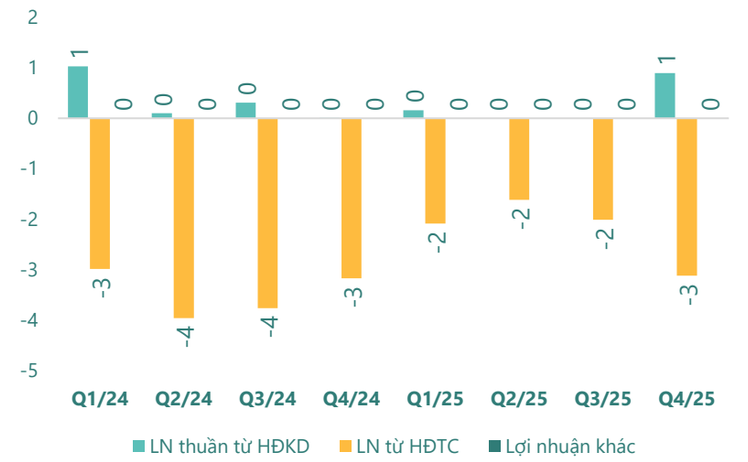
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



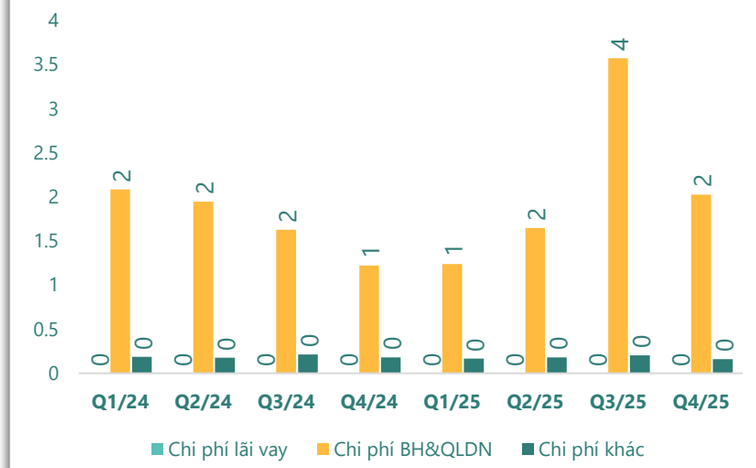
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



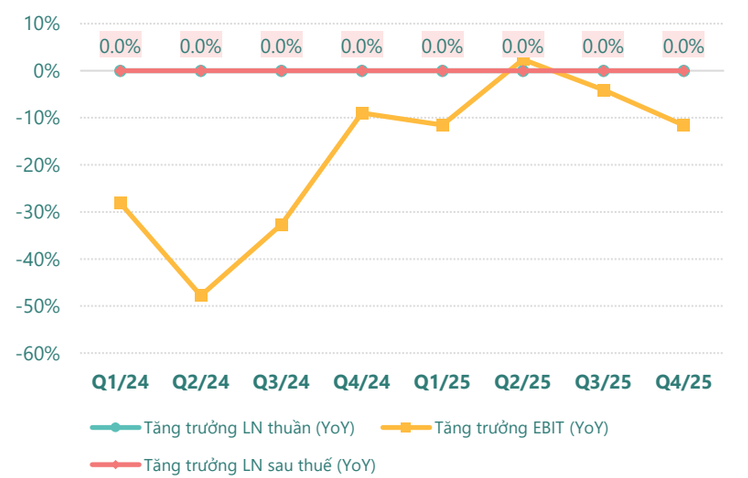
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



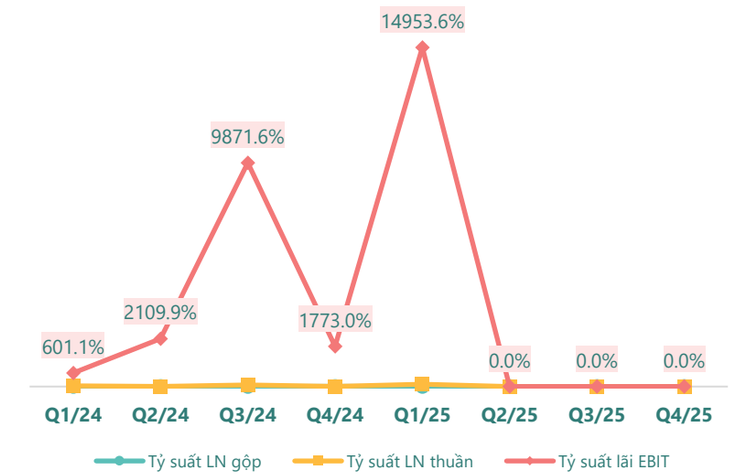
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



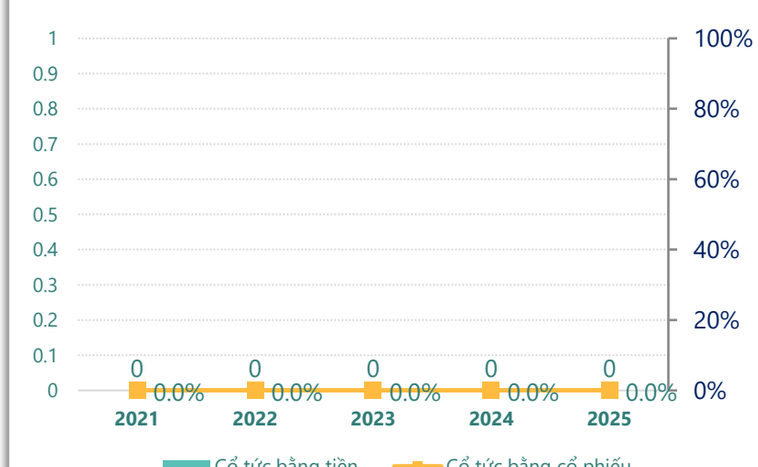
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



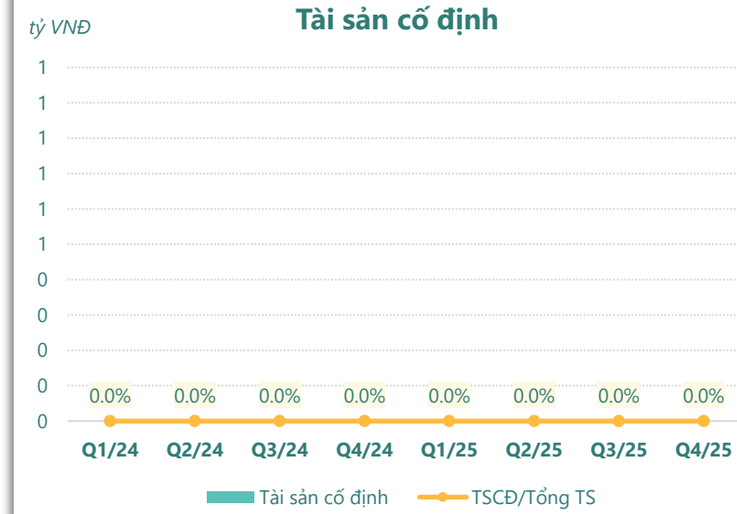
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



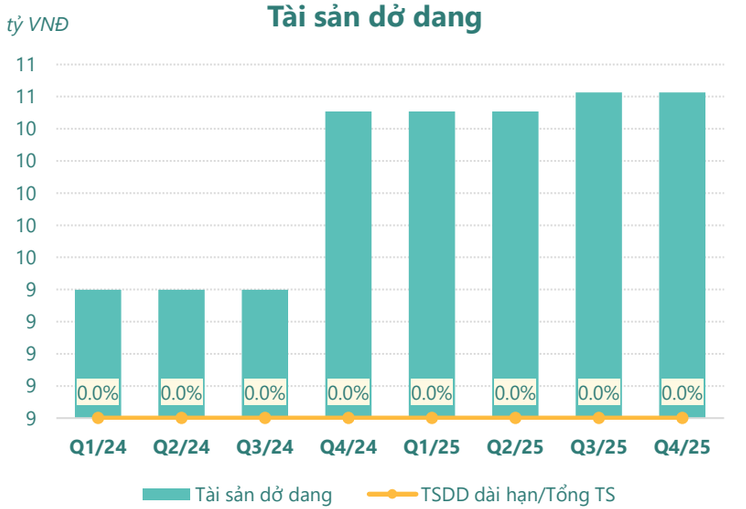
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



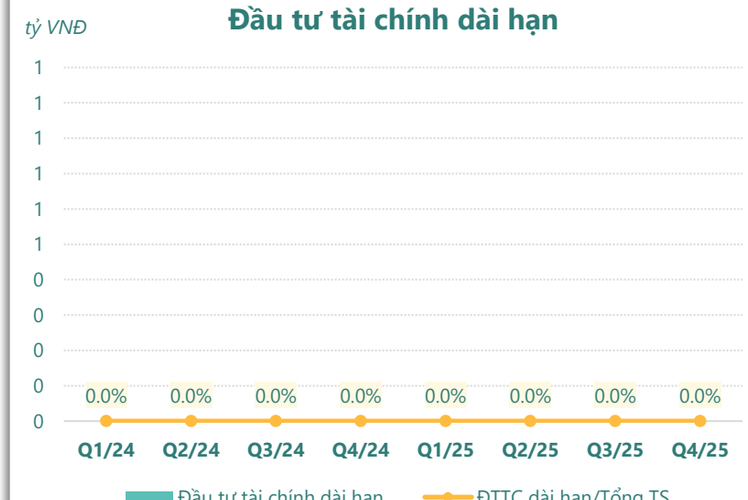
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



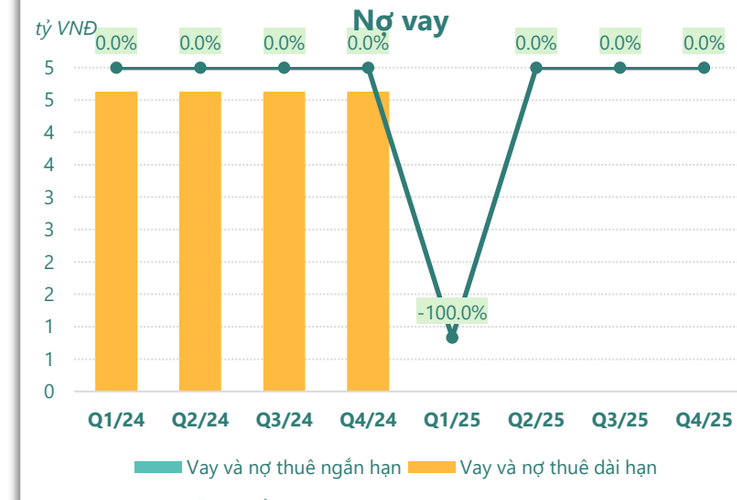
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

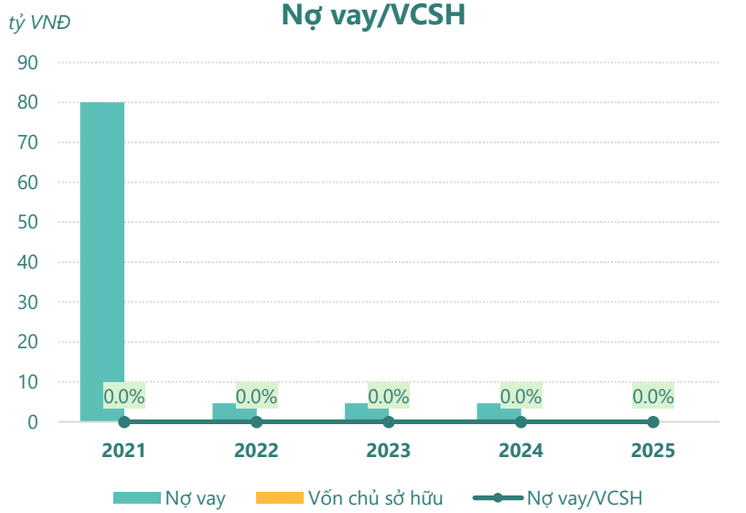
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

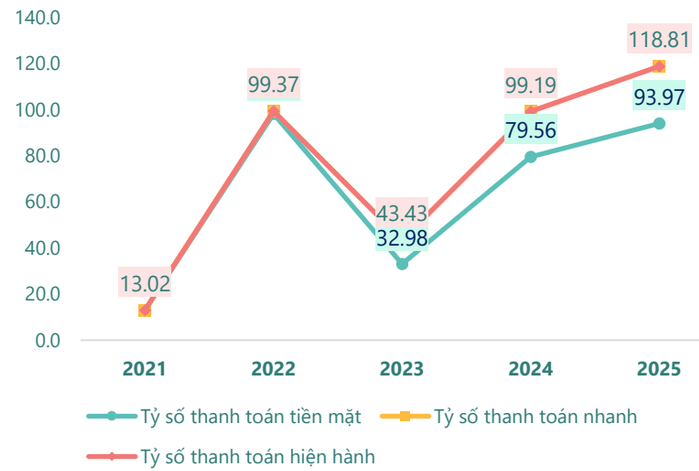
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



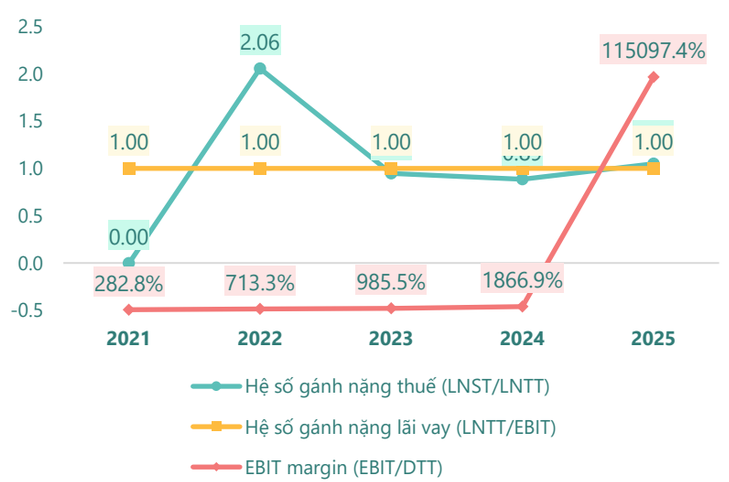
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



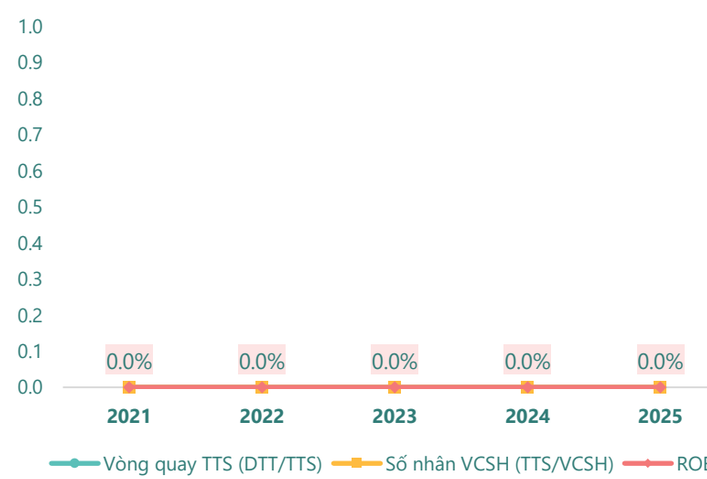
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



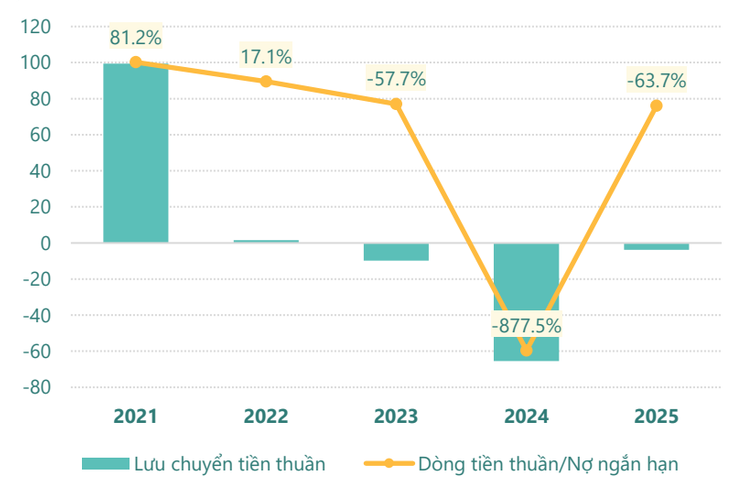
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**1.00**	**-100%**	**0.16**	**12.8**	**-98.8%**
Giá vốn hàng bán	5.86	10.2	-42.6%	152	198	-23.1%
Lợi nhuận gộp	0.55	0.10	450%	2.73	0.17	1459%
Doanh thu HĐTC	0.82	0.88	-7.1%	3.43	2.09	64.3%
Chi phí TC	3.94	4.05	-2.7%	12.3	16.0	-23.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.03	1.22	66.0%	8.48	6.88	23.2%
Chi phí QLDN	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN thuần từ HĐKD	0.90	0.01	8900%	1.06	1.45	-26.7%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	14.3	17.7	-19.5%	181	238	-23.9%
Lợi nhuận sau thuế	**58.4**	**70.0**	**-16.6%**	**190**	**211**	**-9.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0**	**0.00**		**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.46	-32.4	17.0	11.9	-43.9	16.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-0.25	0	-0.12	-0.12	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-4.63	0	0	0
Tiền đầu kỳ	118	118	85.5	97.9	110	65.7
Lưu chuyển tiền thuần	**0.46**	**-32.6**	**12.4**	**11.8**	**-44.0**	**16.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	118	85.5	97.9	110	65.7	81.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**0**	**0**	
Tài sản ngắn hạn	698	740	-5.7%
Tiền và tương đương tiền	552	594	-7.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.0	68.0	-14.7%
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**0.14**	**0.06**	**156%**
Phải thu dài hạn	0.09	0.06	50.8%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.6	10.5	1.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5.87	12.1	-51.4%
Nợ ngắn hạn	**5.87**	**7.46**	**-21.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	4.63	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)